

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2022.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Minh

Ông Nguyễn Thành Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Seok Young S**, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: 312 Jwachun - D, Dong-G, Busan Metropolitan City, Korea.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện g, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Seok Young S trình bày:

Ông Seok Young S là người Hàn Quốc gốc Việt Nam, sinh ra tại Việt Nam. Qua quen biết ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T tìm hiểu và yêu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân. Ông và bà T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 250 quyển số 02 ngày 15/7/2008. Quá trình chung sống thì ông và bà T chỉ hạnh phúc thời

gian đầu, từ khoảng 8 năm nay ông thường xuyên sinh sống tại Hàn Quốc, thỉnh thoảng mỗi năm có về Việt Nam 6 tháng, bà T sống tại Việt Nam nên tình cảm dành cho nhau không còn, cuộc sống không thấy hạnh phúc nên ông và bà T không còn quan tâm gì đến nhau và sống ly thân từ 8 năm nay. Nay ông thấy tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân giữa ông và bà T không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên: Nguyễn Minh S sinh ngày 23/01/2009, hiện con chung đang sinh sống tại Việt Nam với bà Nguyễn Thị Mộng T. Ông có hỏi ý con ông: “cha mẹ ly hôn thì con muốn sống với ai?”, con ông có nguyện vọng sống cùng ông và bà T cũng đồng ý về việc sẽ giao con cho ông trực tiếp chăm sóc để đảm bảo tương lai cho con sau này.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai công chứng ngày 22/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà T là vợ hợp pháp của ông Seok Young S theo tờ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 250 quyền số 02 ngày 15/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Bà thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu ly hôn theo đơn của ông Seok Young S, cụ thể:

Về tình cảm: Bà T và ông Seok Young S không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T và anh Seok Young S có 01 con chung tên Nguyễn Minh S sinh ngày 23/01/2009, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà đồng ý giao con chung cho ông Seok Young S được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn để đảm bảo tương lai cho con sau này. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông Seok Young S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với ông Seok Young S nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T; về con chung: ông Seok Young S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh S sinh ngày 23/01/2009. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; ông Seok Young S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: ông Seok Young S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Seok Young S có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T. Ông Seok Young S có quốc tịch Hàn Quốc và hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Seok Young S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 250 quyển số 2 ngày 15/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Seok Young S sinh sống tại Hàn Quốc từ khoảng năm 2014, thỉnh thoảng khoảng 06 tháng ông Seok Young S mới về Việt Nam một lần để thăm vợ con, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, hai bên không còn quan tâm lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân từ khoảng năm 2014-2015 cho

đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Seok Young S xin ly hôn với bà T, bà T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Seok Young S.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Seok Young S và bà T đã phát sinh từ năm 2014, ông bà chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách địa lý, bất đồng trong giao tiếp, ông bà nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ năm 2014-2015 cho đến nay. Phía ông Seok Young S xin ly hôn bà T, bà T có ý kiến cũng đồng ý ly hôn, nhận thấy tình cảm của ông bà đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ lại được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T là phù hợp theo Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T có 01 con chung tên: Nguyễn Minh S sinh ngày 23/01/2009, hiện con chung đang sinh sống tại Việt Nam với bà Nguyễn Thị Mộng T. Ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T đều có ý kiến khi ly hôn thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Minh S sinh ngày 23/01/2009 cho ông Seok Young S nuôi dưỡng. Mặc khác qua tham khảo ý kiến của con chung cháu Sơn cũng có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của cháu Sơn, vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 23/01/2009 cho ông Seok Young S được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Seok Young S xác định đủ khả năng nuôi con, ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng, ông và bà T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Seok Young S và bà Nguyễn Thị Mộng T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Seok Young S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 1 và 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Seok Young S. Ông Seok Young S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 23/01/2009 cho ông Seok Young S nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: ông Seok Young S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai số 0000038 ngày 30/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như ông đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Mộng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Ông Seok Young S cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Long